TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 41/2023/CV-TCHC
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------oOo------
Lào Cai, ngày 21 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

2. Mã chứng khoán: ND2

3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 64B đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

4. Điện thoại: 0214 3501 540 Fax: 0214 3903 661

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Ứng Hồng Vận Tổng Giám đốc Công ty người đại diện theo Pháp Luật.

6. Nội dung công bố thông tin:

Công bố thông tin Bào cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty tại đường dẫn http://nedi2.com.vn của Công ty.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật vá hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về nội dung càc thông tin đã công bố.

Người đại diện theo Pháp luật

M.S.D.N: 5300213527 - C.T.C.P - CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2 - T. LÀO CAI - T. LÀO CAI

TỔNG GIÁM ĐỐC
Ứng Hồng Vận

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu TCHC, VT.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
----------NEDI2----------

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Lào Cai, tháng 2 năm 2023

MỤC LỤC

I.	**Thông tin chung**	**1**
1	Thông tin khái quát	1
2	Quá trình hình thành vá phát triển	1
3	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	1
4	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
5	Định hướng phát triển	6
6	Các rủi ro	6
II.	**Tình hình hoạt động trong năm**	**6**
1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	6
2	Tổ chức nhân sự	9
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	12
4	Tình hình tài chính	12
5	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	14
6	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường vá xã hội của Công ty	15
III.	**Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**	**18**
1	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	18
2	Tình hình tài chính	20
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý	21
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	21
5	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)	22
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường vá xã hội của Công ty	22
IV.	**Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**	**22**
1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	22
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	24
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	24
V.	**Quản trị công ty**	**25**
1.	Hội đồng quản trị	25
2.	Ban Kiểm soát	27
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GĐ vá BKS	28
VI.	**Báo cáo tài chính**	**29**
1	Ý kiến kiểm toán	29
2	Báo cáo tài chính được kiểm toán	29

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

Số: 40/2023/CV-TCHC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------oOo------
Lào Cai, ngày 21 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – do Sở KHĐT tỉnh Lào cai cấp thay đổi lần 10 ngày: 14/5/2020
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Địa chỉ: Số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02143 501 540
- Số fax: 02143 903 661
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): ND2

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng.

Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, trong giai đoạn hiện nay NEDI2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện.

Với những lĩnh vực đầu tư đầy tiềm năng, chắc chắn mang lại hiệu quả kinh tế cao đó, NEDI2 đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	Ngành nghề KD chính
2	Xây dựng các công trình điện	4221	

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

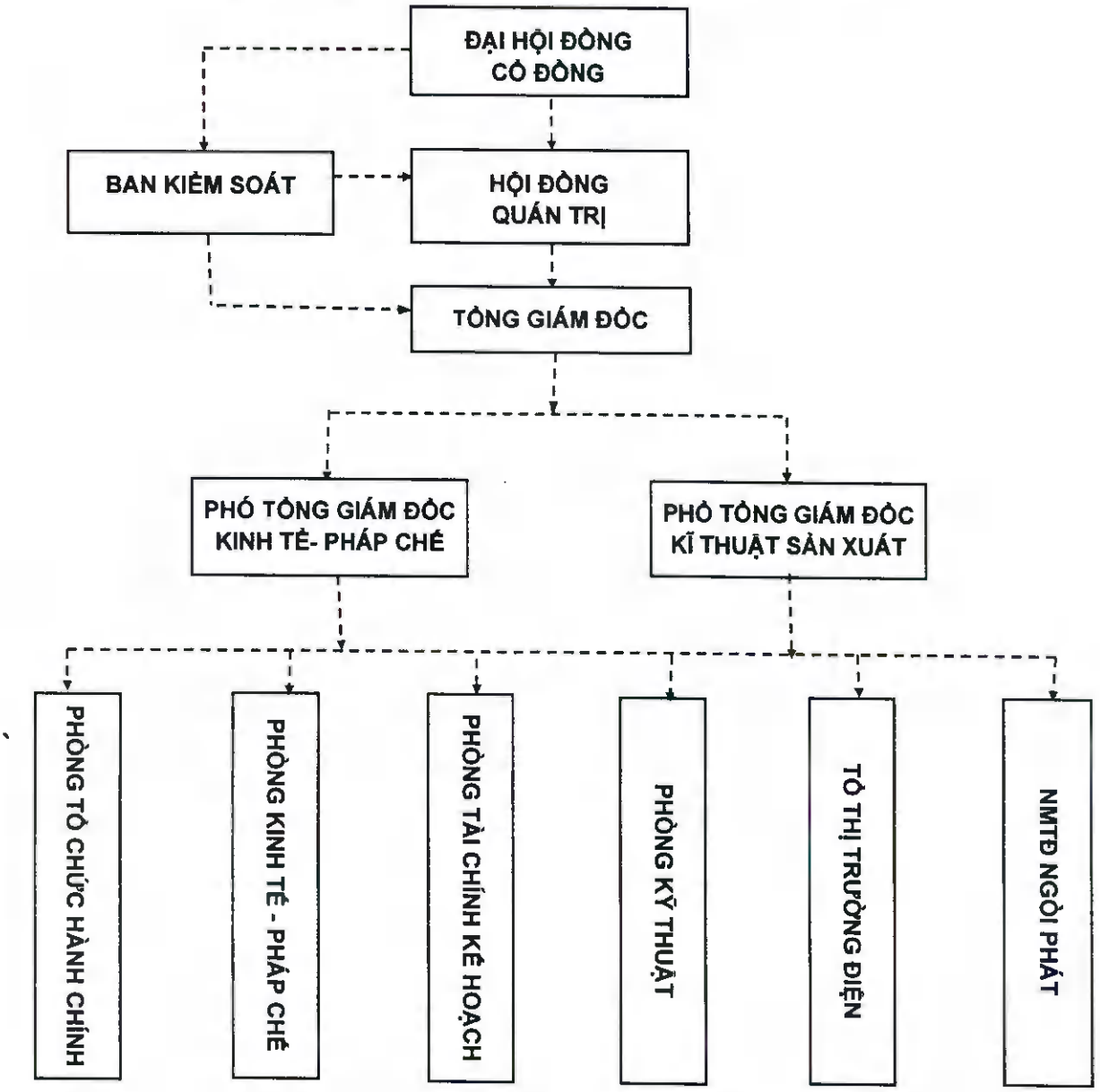

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng Cổ Đông; Hội đồng Quản trị; Ban Kiểm soát;Tổng Giám đốc vá tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	43.044.461	86,1%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu vâ XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	Thể nhân vá pháp nhân khác	6.949.499	13,9%	
	Tổng cộng	49.993.960	100 %	

b. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			Chuyên môn	LL CT	NN	
1	Dương Văn Mậu	1978		Cầu Giấy, Hà Nội	1	KS XD Dân dụng & CN – Ths QTKD			Chủ tịch
2	Vũ Mạnh Hùng	1977		Đống Đa, Hà Nội	1	Ths Kinh tế về TC ngân hàng, CN Luật			Ủy viên
3	Vũ Đức Thịnh	1979		Thanh Xuân Bắc, Há Nội	1	CN Kinh tế, Ths QTKD			Ủy viên
4	Katsuhito Miyajima	1967		Saitama, Nhật Bản		CN Kinh tế Quốc tế			Ủy viên
5	Yusuke Takahashi	1988		Aichi, Nhật Bản		CN Kinh tế			Ủy viên

c. Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			Chuyên môn	LL CT	NN	
1	Vũ Văn Mạnh	1972		Thanh Xuân, Hà Nội		KS Kinh tế - Ths QTKD			Trưởng BKS
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		1979	Thanh Xuân, Há Nội		CN KT-Kế toàn			Thành viên
3	Kenichi Suzuki	1968		Tokyo, Nhật Bản		CN Tài chính Quốc tế			Thành viên

d. Ban Tổng Giám đốc

- Tổng giám đốc Công ty :

  Họ và tên : **Ứng Hồng Vận**

  Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty

  Giới tính : Nam

  Ngày sinh : 03/12/962

  CMTND : Số: 013479110 Ngày cấp: 06/10/201 Nơi cấp: CA Há Nội

  Quốc tịch : Việt Nam

  Dân tộc : Kinh

  Địa chỉ thường trú : Ngõ 33, Phạm Tuấn Tài, Phường Cổ Nhuế 1, Hà Nội

  Điện thoại liên lạc : 0976292488

  Trình độ văn hoá : 12/12

  Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí

- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kinh tế - Pháp chế :

  Họ và tên : **Đỗ Vương Cường**

  Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty

  Giới tính : Nam

  Ngày sinh : 17/01/1980

  CMTND : Số: 001080016869 Ngày cấp: 21/01/2020 Nơi cấp: Cục CS QLHC

Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	Phường Bưởi, Tây Hồ, Há Nội
Điện thoại liên lạc	:	0904717117
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD
- Phó Tổng Giám đốc - Phụ trách Kỹ thuật- Sản xuất	:	
Họ và tên	:	**Ngô Mạnh Cường**
Chức vụ	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty
Giới tính	:	Nam
Ngày sinh	:	07/04/1975
CMTND	:	Số: 174509877 Ngáy cấp: 04/10/2012
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Địa chỉ thường trú	:	KĐT Đông Sơn - P. An Hoạch - TP Thanh Hóa
Trình độ văn hoá	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

5. Định hướng phát triển:

- Vận hánh sản xuất an toân, tin cậy, bền vững; tối ưu hóa tất cả các khâu sản xuất đảm bảo hiệu quả, nâng cao lợi nhuận cho cổ đông.

- Cắt giảm, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh tỏi đa, đặc biệt tối ưu chi phí quản lý theo nguyên tắc đúng - đủ - trung thực - minh bạch vá Net nhằm mục tiêu nâng cao già trị vá thương hiệu doanh nghiệp.

- Thực hiện và hỗ trợ Tổng Công ty/TTC trong chiến lươc đầu tư phát triển năng lượng, nhằm nâng cao sở hữu công suất toàn Tổng Công ty với chiến lược sở hữu 800 mw-1000 mw đến năm 2030.

6. Các rủi ro: Do thiên tai, hỏa hoạn ... không lường trước được (bất khả kháng xảy ra).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1 Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất:

- Điều kiện thủy văn vá thời tiết năm 2022 thuận lợi: Lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát năm 2022 cao hơn các năm trước đạt 105% lưu lượng bình quân 8 năm (Giai đoạn từ năm 2015-2022), giai đoạn đầu năm mưa nhiều đột biến, tuy nhiên sang Quý 4 lượng mưa sụt giảm mạnh, Nhà máy đã thường xuyên theo dõi lượng mưa hàng ngày trên lưu vực để chủ động trong công tác theo dõi nguồn nước và tối ưu hóa sử dụng nước phục vụ vận hành tăng sản

lượng vá doanh thu. Tập trung duy trì vận hành ổn định chạy máy liên tục, trực sản xuất vá sửa chữa, xử lý sự cố 24/24 sẵn sàng ứng phó với các tình huống sự cố, sửa chữa bảo trì. Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2022 (kwh)	Sản lượng cùng kỳ 2021 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2022 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2022
Sản lượng thương phẩm	422.420.549	438.970.404	487.311.042	115%

1.2 Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy đã đáp ứng nhiệm vụ sản xuất, cả 04 tổ máy vận hành ổn định, không có sự cố chủ quan và vận hánh an toàn - Tin cậy - Liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước.

- Công tác lám chủ công nghệ vá vận hành đảm bảo được 99%. Công tác vận hành sản xuất tối ưu (Theo quy trình: Tính toán lưu vực nước về đối với cột áp cao, giảm thiểu tối đa nước tràn hồ). Công tác quan hệ, phối hợp tốt với các cấp điều độ EVN nên khi nước về được vận hành liên tục, không phải xuống máy, đồng thời giá thị trường điện tối ưu, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...

- Tối ưu công tác vận hánh sản xuất: Giảm tổn thất - Tự dùng nên tổn hao lả 3,5%, trong đó tổn hao đường dây lá 2,57%, tự dùng lá 0,93% (Tổn hao thấp hơn cùng kỳ năm 2021 là 4,19%, trong đó tổn hao đường dây lá 3,26%, tự dùng lá 0,93%, giảm 0,69%).

- Về thị trường điện: Năm 2022 có tỷ lệ sản lượng điện tham gia TTĐ tạm tính là 10% (Theo quyết định số 98/QĐ-ĐTDL của Bộ công thương ký ngày 31/12/2021 quy định các dự án thủy điện có hồ điều tiết dưới 2 ngáy trong năm 2022 tham gia 10% sản lượng). Từ tháng 8-12/2022 tỉ lệ sản lượng tham gia thị trường điện do EVN đề nghị các đơn vị phát điện hỗ trợ và chia sẻ khó khăn là 5%. Do phối hợp điều độ EVN - Vận hành tốt khi giá thị trường điện cao nên kết quả 2022 có giá điện bình quân lâ 1,512.4 đồng/kw và doanh thu thị trường điện cụ thể như sau:

STT	Sản lượng năm 2022 (Kwh)	Doanh thu thị trường điện vượt so với giá hợp đồng (đồng)	Ghi chú
1	487.311.042	19.768.141.578	

1.3 Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục khiếm khuyết:

- Hoàn thành công tác trung tu tổ máy H2, H3 (Quý I/2022) và trung tu tổ máy H4 (Quý IV/2022) đã đưa vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ, chất lượng vá tin cậy.

- Bảo trì sửa chữa theo kế hoạch và đột xuất (PDM) các hệ thống thiết bị của Nhá máy như trạm 110 KV, các máy biến áp T1, T2, T3, T4, hệ thống các thiết bị phụ trợ, bảo trì thiết bị cơ điện nhà mày, đầu mối, hạ lưu.

- Bảo trì, tuấn tra bảo vệ, phát quang hành lang tuyến 42 km đường dây 110 kv liên tục. Thực hiện việc đo điện trở nối đất toàn tuyến định kỳ.

- Kiểm tra, bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí thủy công, đầu mối...

- Kiểm tra, lập kế hoạch và thực hiện sửa chữa bảo trì các hạng mục xây dựng, giao thông đường San Bang-Mường Vi và khu vực đầu mối hàng năm và sau mùa mưa lũ, giảm tải bãi thải đảm bảo an toàn đề phòng rủi ro sự cố trong mùa mưa lũ cho Nhà mày thủy điện Ngòi Phát mở rộng.

- Lập phương án, kế hoạch duyệt cho sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên và kế hoạch mua sắm vật tư dự phòng năm 2023.

- Khắc phục các khiếm khuyết lỗi hệ thống thiết bị NMNP/NPMR; phối hợp với nhà thầu AH, Flovel hoàn thành tin cậy...

1.4: Công tác cải tiến- Tối ưu hệ thống thiết bị công nghệ- Hồ chứa:

- Công tác sáng kiến cải tiến đã thực hiện hoàn thành 7/12 sáng kiến cải tiến về thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, mang lại hiệu quả kinh tế, kéo dài tuổi thọ vận hành thiết bị, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vạn hành an toàn – liên tục – hiệu quả - tin cậy.

- Lập kế hoạch bổ sung các sáng kiến cải tiến với mục tiêu đem lại hiệu quả kinh tế và tiếp tục thực hiện tiếp các sáng kiến tiến đã và đang thực hiện trong năm 2022.

- Nhà máy đã bám sát công tác phối hợp với TTC và các đối tác khác không ngừng nghiên cứu đưa ra các sáng kiến cải tiến về công nghệ cũng như tối ưu dòng chảy và công tác dự báo thông tin thủy văn và thủy điện bậc thang trên cùng lưu vực.

- Tiếp tục nghiên cứu tìm các giải pháp phù hợp để nâng cao nguồn nước và nâng cao dung tích hồ chứa nhằm tăng thêm sản lượng phát điện.

1.5 Công tác phòng chống bão lụt:

- Nhà máy đã thực hiện tập huấn nghiệp vụ phòng chống lụt bão và cứu hộ thiên tai Công ty tập trung cao nhất công tác phòng chống lũ lụt bất thường, bố trí nhân lực trực chiến 24/24, chuẩn bị vật tư thiết bị sẵn sáng xử lý các sự cố do mưa bão.

- Hoàn thành công tác sửa chữa duy tu các công trình giao thông, xây dựng, kiến trúc luôn đảm bảo an toàn, chất lượng và tiến độ.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra, rà soát đánh giá các thiệt hại hư hỏng và có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo an toàn cho Nhà máy cũng như các công trình xung quanh.

- Phối hợp và cập nhật thông tin với chính quyền địa phương cũng như các nhà máy thủy điện trong lưu vực; thực hiện quy trình vận hánh liên hồ và cập nhật tình hình mưa bão, xả lũ trên toán khu vực đảm bảo phòng ngừa an toàn tuyệt đối cho các nhà máy điện và nhân dân địa phương.

1.6 Công tác khác:

- Công tác vật tư thiết bị dự phòng đảm bảo lưu kho tốt và giảm thiểu, mua sắm vật tư kịp thời, thực hiện công tác đánh giá kiểm tra tình trạng thiết bị định kỳ đảm bảo chất lượng sẵn sàng thay thế, tối ưu cho bảo trì sửa chữa sự cố, kịp thời vận hành liên tục.

1.7 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Đvt: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	TH cùng kỳ 2021	TH năm 2022	Chênh lệch TH-KH năm 2022	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	390.133	400.115	462.140	72.007	118%
2	Giá vốn hàng bán	128.685	136.122	131.943	3.258	103%
3	Lợi nhuận gộp (1-2)	261.448	263.993	330.197	68.749	126%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1000	975	1.942	942	194%
5	Chi phí tài chính	82.822	89.778	77.639	(5.183)	94%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*82.822*	*89.682*	*77.558*	*(5.264)*	94%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.259	16.481	19.921	(1.338)	94%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (3+4-5-6)	158.367	158.709	234.579	76.212	148%
8	Thu nhập khác	90	66	10	(80)	11%
9	Chi phí khác	720	719	28	(692)	4%
10	Tổng LN trước thuế (7+8-9)	157.737	158.056	234.561	76.824	149%
11	Chi phí thuế TNDN (5%)	7.686	6.801	9.971	2.285	130%
12	Lợi nhuận sau thuế	150.051	151.255	224.590	74.539	150%
13	Nộp ngân sách	98.000	58.000	109.000		

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Sở hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			Chuyên môn	LL CT	NN		
1	Ứng Hồng Vận	1962		Duy Tiên, Hà Nam	1	KS Cơ khí	Sơ cấp		TGĐ	31.400
2	Đỗ Vương Cường	1980		Thạch Thất - Há Nội	1	Cử nhân Kinh tế, Ths QTKD	Sơ cấp		PTGĐ	0
3	Ngô Mạnh Cường	1975		Thanh Hóa	1	KS Cơ khí	Sơ cấp		PTGĐ	1.000
4	Đinh Tuấn Anh	1977		Yên Khánh, Ninh Bình	1	CN Kế toán	Sơ cấp		KTT	363.000

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2022:

+ Năm 2022 Ban Điều hành Công ty không có sự biến động, thay đổi so với năm 2021.

- Số lượng CBNV trong Công ty và cơ cấu lao động:

Giới	Số lao động tại thời điểm 31/12/2022	Loại hợp đồng lao động	Số LĐ
Nam	66	Không thời hạn	57
Nữ	17	Có thời hạn	26
Tổng	83	Theo mùa vụ	00

- Trình độ chuyên môn của lao động:

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	34
Cao đẳng, Trung cấp	34
CNKT	03
Lao động phổ thông	12

(Biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động)

Biểu đồ LĐ theo giới

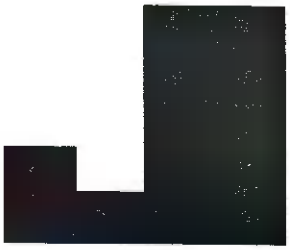

Biểu đồ LĐ theo trình độ

Biểu đồ loại HĐLĐ

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân ioại:

Công ty Cổ phần Đầu tư vá Phàt triển Điện Miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành Nhà mày thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy; đảm bảo vượt sản lượng kinh doanh điện theo kế hoạch giao; tiếp tục đầu tư Nhá máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng, vì vậy cơ cấu lao động của Công ty trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án trên là hợp lý.

- Nêu nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên:

Nhiệm vụ chính của Công ty là đảm bảo vận hành nhá máy ổn định, an toán, an ninh, tin cậy vá hoàn thành sản lượng giao; ngoái ra cần triển khai các dự án thủy điện mới theo kế hoạch được duyệt. Vì vậy cơ cấu lao động trên lá hợp lý.

- Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động:

Cơ cầu tinh gọn của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho Càn bộ công nhân viên phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo Công ty sẽ có điều kiện quan tàm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện người lao động, đảm bảo cuộc sống, yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho Công ty.

- Chính sách đối với người lao động:

❖ Chính sách lương, thưởng

+ Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty:

Công ty thánh lập theo Luật Doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong Công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dung theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Chính phủ và thang bảng lương do Công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/01/2017.

+ Phụ cấp của Ủy viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách được Công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo.

+ Bảng lương CBNV toàn Công ty xây dựng theo hướng dẫn tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 vá TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngáy 22/4/2015 của Chính phủ.

+ Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, BHTN...):

Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại Công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT vá lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.

+ Các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng Công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV Công ty.

❖ Chính sách đào tạc

- Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Háng năm Công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV Công ty theo các lĩnh vực: Tư vấn giám sát công trình, Quản lý đấu thầu,....vv. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học Công ty chi trả 100%.

- Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được Công ty cân đối bố trí, tạo điều kiện về thời gian và xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo/khòa học.

❖ Chính sách trợ cấp

- Lãnh đạo Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro...

❖ Mức lương bình quân

- Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2022 lá: 13.800.000 đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: không có

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
** Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản	1.770.173.411.123	1.689.779.810.071	(5%)
Doanh thu thuần	400.115.525.353	462.139.887.532	16%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	158.709.276.179	234.578.949.625	48%
Lợi nhuận khác	(652.475.096)	(17.332.983)	(97%)
Lợi nhuận trước thuế	158.056.801.083	234.561.616.642	48%
Lợi nhuận sau thuế	151.255.513.995	224.590.181.957	48%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%	
** Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:*			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2021	2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,11	0,87	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,92	0,73	
/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	*0,57*	*0,54*	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	*1,33*	*1,18*	*Lần*
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			*Sản xuất điện không có hàng tồn kho*
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,23	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,38	0,48	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,29	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,08	0,13	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,40	0,49	Ưu đãi thuếTNDN

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu của Công ty : 49.993.960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành : 49.993.960 cổ phiếu

Trong đó:
+ Dã lưu ký : 30.234.236 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký : 19.759.724 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	**Các cổ đông pháp nhân**	**43.044.461**	**86,1%**	
1	Tổng công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	**Thể nhân và pháp nhân khác**	**6.949.499**	**13,9%**	
	Tổng cộng	**49.993.960**	**100%**	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khcán khàc: Không cò

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1 Tàc động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a/ Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực bôi trơn làm mát: 3.784 lít/ năm.

b/ Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩn và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3 Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy:

- Phần tiêu thụ của các hệ thống thiết bị phụ trợ trong quá trình vận hành phát điện *(sản lượng nhận từ tổ máy khi phát điện)*: 874,975 mwh.

- Phần tiêu thụ của các phụ tải bao gồm hệ thống tự dùng Nhà máy, cung cấp về khu vực Nhà điều hành và nhà ở CBCNV trong quá trình ngừng máy *(sản lượng nhận từ lưới 110kv thông qua đo đếm 175)* lá: 214,165 mwh.

- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt thống kê qua điểm đo đếm tự dùng tủ MDB1: 66,81 mwh.

Ghi chú: *Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2022 được xàc định bằng chỉ số thực tế sử dụng.*

6.4 Tiêu thụ nước *(Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)*

a/ Nguồn cung cấp nước vá lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối ngòi phát nắm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Láo Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ, Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao trên 3000m chảy theo hướng chính Tây Nam-Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao

độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược, huyện Bát Xát, cách TP Láo Cai 25km về phía Tây Bắc.

❖ Phía thượng lưu Nhà máy

- Thủy điện Mường Hum (nhánh chính).
- Suối Bản Xèo (nhánh phụ).

❖ Nhà máy Ngói Phát hiện hữu vá Ngòi Phát mở rộng (3x24 mw và 1x12 mw)

Lượng nước sử dụng phát điện năm 2022 lá: 579.9 triệu m3 (Tính tỉ lệ tiêu hao nước là 1,19 m3/kwh).

b/ Tỉ lệ phần trăm vá lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a/ Số lần bị sử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp vá các quy định về môi trường: Không có.

b/ Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật phàp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

a/ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lao động dự án: 83 người.

- Mức lương trung bình háng tháng của người lao động trong Công ty năm 2022: khoảng 13,8 triệu đồng.

b/ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toán và phúc lợi của người lao động:

- Về thời gian làm việc:
  - Bộ phận hành chính:
    +) Sáng: từ 8h00 đến 12h00
    +) Chiều: từ 13h00 đến 17h00
  - Bộ phận đi ca:
    +) Ca 1: Từ 7h đến 15h
    +) Ca 2: Từ 15h đến 22h
    +) Ca 3: Từ 22h đến 7h

- Chính sàch:
  - Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.
  - Khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
  - Càc chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.
  - Được đóng đầy đủ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, BHTN...
  - Tiền lương được trả đầy đủ trước ngày mồng 10 háng tháng.
  - Có phụ cấp ca 3: 15% cơ bản.
  - Thăm hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c/ Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Thực hiện đúng quy định của Nhá nước về việc sử dụng người lao động.

TT	Nội dung đào tạo	Tính Chất	Số lượt
1	AT – VSLĐ (EVN).	Định kỳ	Hàng năm
2	PCCN (PCCC tỉnh Lào Cai).	Định kỳ	Hàng năm
3	Bồi huấn nghiệp vụ thị trường điện		Hàng năm
4	Các lớp ngắn hạn (phục vụ quản lý)	Theo nhu cầu doanh nghiệp	

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhà nước.

Đào tạo, sát hạch các chức danh nâng cao trình độ chuyên môn	Năm 2022		
	LT	TT	ĐL
Trưởng ca	06	06	02
Trưởng kíp	04	04	
Trực gian máy	12	12	
Trực CNN	5	5	
SC ĐZ 110 kv	2	2	
Điện tự động hóa	4	4	01
Cơ khí thủy lực	5	5	02
PCLB/PCCN/ATVSLĐ	60	60	

(Ghi chú: LT – Lý thuyết; TT – Thực tế; ĐL – Độc lập)

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Tạo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên địa phương đóng trên địa bàn.
- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh bảo lũ theo quy định của Bộ công thương.
- Hưởng ứng chương trình Tết vì người nghèo do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Láo Cai phát động.
- Thực hiện hỗ trợ đầu tư công trình điện cho các thôn bản chưa có điện trên địa bán tỉnh Lào Cai.
- Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông: San bang- Mường Vi; VH1; VH2 thuộc xã Bản Vược; đường Bản Xèo – Tuyến đập thuộc xã Bản Xèo.
- Hưởng ứng các phong trào, lời kêu gọi của địa phương trên địa bàn nhằm ủng hộ giúp đỡ các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, thiên tai...ổn định cuộc sống.
- Hỗ trợ gáy quỹ hoạt động cộng đồng địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh*

1.1. Đánh giá điều kiện thủy văn, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất

- Hoạt động sản xuất và vận hành của nhà máy thủy điện Ngòi Phát.

+ Điều kiện thủy văn và các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả vận hành sản xuất

- Điều kiện thủy văn và thời tiết năm khá 2022 thuận lợi: Lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát năm 2022 cao hơn các năm trước đạt 105% lưu lượng bình quân 8 năm (Giai đoạn từ năm 2015-2022), giai đoạn đầu năm mưa nhiều đột biến, tuy nhiên sang Quý 4 lượng mưa sụt giảm mạnh. Nhà máy đã thường xuyên theo dõi lượng mưa hàng ngày trên lưu vực để chủ động trong công tác theo dõi nguồn nước và tối ưu hóa sử dụng nước phục vụ sản xuất nhằm tăng doanh thu. Tập trung duy trì vận hành ổn định chạy máy liên tục, trực sản xuất và sửa chữa, xử lý sự cố 24/24 sẵn sàng ứng phó với các tình huống sự cố, sửa chữa bảo trì. Nhà máy đã đạt sản lượng năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Sản lượng KH 2022 (kwh)	Sản lượng cùng kỳ 2021 (kwh)	Sản lượng thực hiện 2022 (kwh)	Tỷ lệ % TH/KH 2022
Sản lượng thương phẩm	422.420.549	438.970.404	487.311.042	115%

1.2 Tình hình vận hành sản xuất

- Nhà máy đã đáp ứng nhiệm vụ sản xuất, cả 04 tổ máy vận hành ổn định, không có sự cố chủ quan và Vận hành an toàn, tin cậy, liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước.

- Công tác làm chủ công nghệ và vận hành đảm bảo được 99%. Công tác vận hành sản xuất tối ưu (Theo quy trình: Tính toán lưu vực nước về đối với cột áp cao, giảm thiểu tối đa nước tràn hồ). Công tác quan hệ, phối hợp tốt với các cấp điều độ EVN nên khi nước về được vận hành liên tục, không phải xuống máy, đồng thời giá thị trường điện tối ưu, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...

- Tối ưu công tác vận hành sản xuất: Giảm tổn thất - tự dùng nên tổn hao là 3,5%, trong đó tổn hao đường dây là 2,57%, tự dùng là 0,93% (Tổn hao thấp hơn cùng kỳ năm 2021 là 4,19%, trong đó tổn hao đường dây là 3,26%, tự dùng là 0,93%, giảm 0,69%).

- Về thị trường điện: Năm 2022 có tỷ lệ sản lượng điện tham gia thị trường điện tạm tính là 10% (Theo Quyết định số 98/QĐ-ĐTĐL của Bộ công thương ký ngày 31/12/2021 quy định cho các dự án thủy điện có hồ điều tiết dưới 2 ngày trong năm 2022 là tham gia 10% sản lượng). Từ tháng 8-12/2022 tỉ lệ sản lượng tham gia thị trường điện do EVN đề nghị các đơn vị phát điện hỗ trợ và chia sẻ khó khăn là 5%. Do phối hợp điều độ EVN - Vận hành tốt khi giá thị trường điện cao nên kết quả 2022 có giá điện bình quân là 1,512.4 đồng/ kw và doanh thu thị trường điện cụ thể như sau:

STT	Sản lượng năm 2022 (Kwh)	Doanh thu thị trường điện vượt so với giá hợp đồng (đồng)	Ghi chú
1	487.311.042	19.768.141.578	

1.3 Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác

- Hoàn thành công tác trung tu tổ máy H2, H3 (Quý I/2022) và trung tu tổ máy H4 (Quý IV/2022) đã đưa vận hành đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ, chất lượng và tin cậy.

- Bảo trì sửa chữa theo kế hoạch vá đột xuất (PDM) các hệ thống thiết bị của Nhá máy như trạm 110KV, càc máy biển áp T1, T2, T3, T4, hệ thống các thiết bị phụ trợ, bảo trì thiết bị cơ điện nhà mày, đầu mối - hạ lưu.

- Bảo trì, tuấn tra bảo vệ, phàt quang hánh lang tuyến 42 km đường dáy 110kv liên tục. Thực hiện việc đo điện trở nối đất toàn tuyến định kỳ.

- Kiểm tra, lập kế hoạch và thực hiện sửa chữa bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí thủy công, đầu mối...và các hạng mục xây dựng, giao thông đường San Bang-Mường Vi và khu vực đấu mối hàng năm và sau mùa mưa lũ, giảm tải bãi thải đảm bảo an toàn đề phòng rủi ro sự cố trong mùa mưa lũ cho NMTĐ Ngòi Phát mở rộng.

- Lập phương án, kế hoạch duyệt cho sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên và kế hoạch mua sắm vật tư dự phòng năm 2023.

- Khắc phục các khiếm khuyết lỗi hệ thống thiết bị NMNP/NPMR; phối hợp với nhà thấu AH, Flovel hoàn thành tin cậy...

1.4. Công tác Quản lý - Đào tạo Cán bộ công nhân viên Nhà mảy

- *Công ty*: Tiếp tục hoàn thiện các Quy trình quản lý, điều hành, đào tạo bổ sung càc chúng chỉ đấu thầu, quản lý dự àn, giám sát cho các càn bộ và chuyên viên; Tiếp tục tiết giảm chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

- *Nhà máy*: Công tàc đào tạo Công ty đã chủ động cho Cán bộ công nhân viên thực hiện thi sát hạch bảo vệ chức danh năm 2022, Lập kế hoạch và thực hiện các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ PCCC; ATVSLĐ tại Nhà máy trong tháng 5/2022; Đào tạo công nhận vận hành cho nhà mày thủy điện Đắc Ba; Sàt hạch bảo vệ các chức danh vận hành định kỳ năm 2022.

1.5. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Năm 2022 hưởng ứng càc đợt phàt động thi đua của Ban chấp hành công đoán vá Đoán thanh niên, các cá nhàn và tập thể Cán bộ nhân viên nhà máy đã nỗ lực phấn đấu tìm tói phàt huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật khắc phục các hạng mục công trình của nhà máy còn tồn tại đem lại hiệu quả nhất định cho công tàc vận hánh của nhà máy góp phần tiết giảm chi phí vận hành, tiết kiệm tiêu hao điện năng, tiết giảm chi phí quản lý đàng kể so với càc năm trước.

1.6. Kết quá sản xuất kinh doanh

- Dưới sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Công ty cùng toàn thể Càn bộ công nhân viên với tinh thần đoàn kết, nỗ lực phấn đấu với mục tiêu phải hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh ngay trong giai đoạn đấu năm. Kết quả cụ thể như sau:

Đvt: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	TH cùng kỳ 2021	TH năm 2022	Chênh lệch TH-KH năm 2022	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	390.133	400.115	462.140	72.007	118%
2	Giá vốn hàng bán	128.685	136.122	131.943	3.258	103%
3	Lợi nhuận gộp (1-2)	261.448	263.993	330.197	68.749	126%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	1000	975	1.942	942	194%
5	Chi phí tài chính	82.822	89.778	77.639	(5.183)	94%
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*82.822*	*89.682*	*77.558*	*(5.264)*	94%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.259	16.481	19.921	(1.338)	94%
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh (3+4-5-6)	158.367	158.709	234.579	76.212	148%
8	Thu nhập khác	90	66	10	(80)	11%
9	Chi phí khác	720	719	28	(692)	4%
10	Tổng LN trước thuế (7+8-9)	157.737	158.056	234.561	76.824	149%
11	Chi phí thuế TNDN (5%)	7.686	6.801	9.971	2.285	130%
12	Lợi nhuận sau thuế	150.051	151.255	224.590	74.539	150%
13	Nộp ngân sách	98.000	58.000	109.000		

2. Tình hình tài chính

Những tháng đầu năm hàng năm là váo mùa khô hạn nhất trong năm, cơ bản là thu vừa đủ bù chi phí vận hành, không đủ dòng tiền trả nợ gốc vá lãi vay. Vào quý III hàng năm là cao điểm mùa mưa, Lợi nhuận quý III chiếm tỷ lệ khoảng 70% lợi nhuận của cả năm, do đặc thù ngành nghề có nguồn thu chênh lệch quà lớn giữa các quý trong năm nên Công ty luôn chủ động trích lập nguồn tài chính dự phòng để bù đắp thiếu hụt dòng tiền tại mọi thời điểm nhằm duy trì sự hoạt động liên tục của Công ty luôn ổn định và đảm bảo cân đối dòng tiền để phục vụ sản xuất kinh doanh, trả nợ gốc vá lãi vay đúng hạn cho các tổ chức tín dụng.

- **Tình hình trả nợ gốc vay (Đvt: tỷ đồng).**

Stt	*Ngân hàng tài trợ vốn*	*Dư nợ gốc vay đầu năm*	*Kế hoạch trả nợ gốc vay trong kỳ*	*Đã trả nợ gốc vay*	*Dư nợ gốc vay cuối kỳ*	*Tỷ lệ thực hiện (%)*
1	BIDV	875,8	120,0	125,0	750,8	104%
2	VCB	104,4	9	9	95,4	100%
	Cộng	**980,2**	**129**	**134**	**846,2**	

- **Tình hình trả nợ lãi vay (Đvt: tỷ đồng).**

Stt	*Ngân hàng tài trợ vốn*	*Lãi vay phải trả*	*Đã trả nợ lãi vay*	*Tỷ lệ thực hiện (%)*
1	BIDV	73,11	69,75	95%
2	VCB	8,91	7,72	87%
3	Vietinbank	0,80	0,08	10%
	Cộng	**82,82**	**77,55**	

- **Tình hình dòng tiền cuối kỳ:**

Sau khi Công ty thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ tài chính với tất cả các tổ chức tín dụng, các khách hàng cung cấp dịch vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2022 thì số dư tiền thuần cuối kỳ 93,93 tỷ đồng. Như vậy tiếp tục đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tiếp theo.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm giải pháp hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm xem xét, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận để có những điều chỉnh cho phù hợp.

- Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ráng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục cắt giảm tối ưu chi phí quản lý theo giá Net, trung thực, minh bạch, rõ ràng. Xây dựng công tác quản trị điều hành kỹ thuật số.

- Thực hiện triển khai đồng bộ 5S, xây dựng hệ thống ISO 9001-2015.

- Hoàn thiện cấp chứng nhận xanh IREC, phối hợp TTC tìm đối tác mua.

- Tiếp tục công tác đào tạo định kỳ, bổ sung các chức danh vận hành Nhà máy theo kế hoạch, thực hiện đào tạo AT-VSLĐ, PCCC và diễn tập PCTT&TKCN định kỳ hàng năm theo quy định.

- Thực hiện, xây dựng quy chế, quy trình quản lý điều hành Công ty phù hợp khi có cổ đông nước ngoài tham gia.

- Chăm lo đời sống cán bộ công nhân viên đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, thực hiện đầy đủ các chế độ của nhà nước, của Tổng công ty quy định về quyền lợi của người lao động.

- Công tác từ thiện: Công ty tiếp tục triển khai các công tác từ thiện đối với đồng bào tại địa phương trên tinh thần tương sinh tương ái và tiết kiệm nhất, đặc biệt nhân dịp ngày tết cổ truyền năm 2023.

- Công tác quản lý điều hành: đảm bảo kỷ cương kỷ luật và các nội quy, quy chế. tập trung nâng cao Năng suất - Tiến độ - Hiệu quả công việc; Cắt giảm chi phí, tối ưu lợi nhuận cho cổ đông đảm bảo sự bền vững; Đẩy mạnh sản xuất, nâng cao tiết kiệm. Sử dụng nguồn lực tối ưu, hiệu quả phục vụ công tác vận hành sản xuất.

***5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán** (nếu có)*

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2022 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:

- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy: 03,06 tháng/lần/năm.
- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đén, rẻ lau... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật.
- Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.

- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động.

- Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhá nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án.
- Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái.
- Đóng thuế môi trường Rừng, Nước, Thuế GTGT... Công ty đều thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.

IV. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty năm 2022

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 05 cuộc họp HĐQT và 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ban hành 07 Nghị quyết/ Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

(i) Phê duyệt quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP NEDI2. (25/02/2022).

(ii) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của công ty NEDI2 (25/3/2022).

(iii) Nghị quyết về lựa chọn công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC năm 2022 của công ty NEDI2 (13/6/2022).

(iv) Nghị quyết phương án chi trả 30% cổ tức năm tài chính 2021 và ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả 30% cổ tức năm 2021 (22/6/2022).

(v) Nghị quyết phê duyệt chủ trương triển khai việc lựa chọn nhà thầu thực hiện "Đầu tư nâng cấp hệ thống SCADA, DCS cho nhà máy thủy điện Ngòi Phát (15/9/2022).

(vi) Nghị quyết phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Nâng cấp hệ thống SCADA, DCS cho NMTĐ Ngòi Phát (25/11/2022).

(vii) Nghị quyết thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022 (15/12/2022).

- Chỉ đạo tổ chức thánh công ĐHĐCĐ thường niên.

- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận được ĐHĐCĐ phê duyệt.

1.2. Đánh giá kết quả SXKD của Công ty trong năm 2022

1.2.1.Kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của Công ty NEDI2

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ hoàn thành/Kế hoạch năm 2021
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	390,133	462,140	118%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	150,051	224,59	150%
3	Cổ tức	%	25%	30%	120%

1.2.2. Đánh giá chung về kết quả SXKD của Công ty năm 2022

Điều kiện thủy văn và thời tiết năm 2022 thuận lợi, lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát cao hơn các năm trước, đạt 105% lưu lượng bình quân 8 năm (giai đoạn từ năm 2015-2022), giai đoạn đầu năm mưa nhiều đột biến, tuy nhiên sang Quý 4 lượng mưa sụt giảm mạnh, Nhà máy đã thường xuyên theo dõi lượng mưa háng ngày trên lưu vực để chủ động trong công tác theo dõi nguồn nước và tối ưu hóa sử dụng nước phục vụ vận hành tăng sản lượng và doanh thu. Tập trung duy trì vận hánh ổn định chạy máy liên tục, trực sản xuất vá sửa chữa, xử lý sự cố 24/24 sẵn sàng ứng phó với các tình huống.

- Nhà máy vận hành ổn định 04 tổ máy, liên tục đạt công suất thiết kế khi có đủ nước, không có sự cố chủ quan.

- Công tác làm chủ công nghệ và vận hành đảm bảo được 99%. Công tác vận hành sản xuất tối ưu, phối hợp tốt với các cấp điều độ EVN nên khi nước về được vận hành liên tục, không

phải xuống máy, đồng thời giá thị trường điện tối ưu, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...

- Tối ưu công tác vận hành sản xuất: Giảm tổn thất - Tự dùng nên tổn hao lả 3,5%, trong đó tổn hao đường dây là 2,57%, tự dùng lá 0,93% (Tổn hao thấp hơn cùng kỳ năm 2021 là 4,19%, trong đó tổn hao đường dày là 3,26%, tự dùng là 0,93%, giảm 0,69%).

- Về thị trường điện: Năm 2022, sản lượng điện tham gia thị trường điện cạnh tranh lá 487,31 triệu kwh (đạt 115% so với kế hoạch và vượt 11% so với sản lượng cùng kỳ năm 2022). Cùng với đó tỷ lệ sản lượng điện tham gia TTĐ tạm tính lá 10%, từ tháng 8 đến tháng 12/2022 tỉ lệ này là 5% do EVN đề nghị các đơn vị phát điện hỗ trợ vá chia sẻ khó khăn.

- Do phối hợp điều độ EVN - Vận hành tốt khi giá thị trường điện cao nên kết quả 2022 có giá điện bình quân là 1,512.4 đồng/kw vá doanh thu thị trường điện vượt so với giá hợp đồng là 19,7 tỷ đồng, doanh thu bán điện đạt 118% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 150% so với kế hoạch.

Nhận định chung: Với sự nỗ lực – Phấn đấu của tập thể lãnh đạo – Cán bộ công nhân viên Công ty và sự lănh đạo sáng suốt – Kịp thời của Hội đồng quản trị, lănh đạo Tổng công ty cổ phần Vinaconex, năm 2022 Công ty Nedi2 đã hoán thành vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, đạt danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu Vinaconex tiêu biểu năm 2022.

Nội dung chi tiết về các lĩnh vực hoạt động của Công ty đã được trình bày trong báo cáo của Ban điều hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trong năm 2022, Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giàm đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ vá Đăng ký kinh doanh.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm. Tổng giảm đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc minh bạch, quyết liệt, phân quyền cụ thể để mỗi thành viên có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao.

- Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần/ tháng với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng/ phó các phòng, lãnh đạo nhà máy thủy điện Ngòi Phát, Tổng giám để chỉ đạo các công việc hàng ngày của Công ty vá triển khai cảc quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ giao một cách triệt để - quyết liệt – kịp thời nhằm hoàn thánh kế hoạch được giao.

- Hoạt động tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi hiệu quả, minh bạch, đáp ứng yêu cầu SXKD, không để xảy ra nợ quà hạn với các tổ chức tín dụng.

- Công tàc quan hệ cổ đông, công bố thông tin tiếp tục được duy trì tốt.

- Duy trì tốt các hoạt động của Đảng ủy và công đoàn công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị (HĐQT)

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2015 đến năm 2022 và tinh thần đoàn kết – đồng lòng của Tập thể lãnh đạo Công ty – người lao động, dưới sự lãnh đạo của HĐQT có

yếu tố nước ngoài (đối tác Toyota Tsusho Corporation; cổ đông chiếm 35% vốn điều lệ Công ty), HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện năm 2023 như sau:

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thánh công kế hoạch SXKD năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị điều hánh, tư duy, năng động, phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện cơ chế trả lương và chế độ đãi ngộ cho người lao động.

- Tập trung vận hành cụm nhà máy thủy điện Ngòi Phát hiệu quả, an toàn hệ thống, tiến hành cải tiến kỹ thuật nhằm vận hành nhà mày hiệu quả nhất.

- Phát triển quan hệ hợp tác với các đối tàc là các ngành của của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Công ty Mua bán điện (EPTC) để vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đạt hiệu quả cao, an toàn.

- Tiếp tục làm tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên độc lập không điều hành
Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	Thánh viên độc lập không điều hành
Vũ Đức Thịnh	Thành viên	Thánh viên độc lập không điều hành
Yusuke Takahashi	Thành viên	Thánh viên độc lập không điều hành
Katsuhito Miyajima	Thành viên	Thánh viên độc lập không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhán	Tỷ lệ
Dương Văn Mậu	12.546.575	0 CP	25,1%
Vũ Mạnh Hùng	6.500.000	0 CP	13%
Vũ Đức Thịnh	6.500.000	0 CP	13%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 5 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

- *Các biên bản họp*:

STT	Số cuộc họp	Ngày, tháng	Nội dung
1	15/2022/BB-HĐQT	25/02/2022	Họp và thông qua nội dung, chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
2	16/2022/BB-HĐQT	23/5/2022	HĐQT họp đánh giá kết quả SXKD Quý I và kết quả SXKD quý II năm 2022.
3	17/2022/BB-HĐQT	22/08/2022	HĐQT họp phiên thường kỳ 6 tháng để nghe Ban điều hành Công ty báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2022 vá kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2022.
4	018/2022/BB-HĐQT	28/11/2022	Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm 2022 và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2022 Xem xét kế hoạch SXKD năm 2023.
5	019/2022/BB-HĐQT	15/12/2022	Thông qua phương án tạm ứng 10% cổ tức của năm tài chính 2022 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022.

- *Số các cuộc họp thành viên họp HĐQT tham gia*:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Dương Văn Mậu	5	5/5	
2	Vũ Mạnh Hùng	5	5/5	
3	Vũ Đức Thịnh	5	5/5	
4	Kastsuhito Miyajima	5	5/5	
5	Yusuke Takahashi	5	5/5	

- Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 50/2022/NQ-HĐQT	27/01/2022	Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP NEDI2.
2	Số 51/2022/QĐ- HĐQT	25/02/2022	Phê duyệt kế hoạch và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty CP NEDI2.
3	Số 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ	25/03/2022	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
4	Số 52/2022/NQ-HĐQT	13/06/2022	HĐQT thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
5	Số 53/2022/NQ-HĐQT	22/06/2022	Phương án chi trả 30% cổ tức năm tài chính 2021 và ngày chốt danh sách cổ đông để chi trả 30% cổ tức của năm 2021.
6	Số 54/2022/NQ-HĐQT	15/09/2022	Phê duyệt chủ trương triển khai việc lựa chọn nhà thầu thực hiện "Đầu tư nâng cấp hệ thống SCADA, DCS cho Nhà máy thủy điện Ngói Phát".
7	Số 55/2022/NQ-HĐQT	25/11/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhá thầu gói thấu "Nâng cấp hệ thống SCADA, DCS cho Nhá máy thủy điện Ngói Phát".
8	Số 056/2022/QĐ-HĐQT	15/12/2022	Thông qua phương án tạm ứng 10% cổ tức của năm tài chính 2022 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức năm tài chính 2022.

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên vá cơ cầu của Ban Kiểm soát

BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban	Thánh viên độc lập không điều hành
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành
Kenichi Suzuki	Thành viên	Thành viên độc lập không điều hành

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

+ Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cổ đông

- Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật vá Điều lệ công ty.

- Tham gia rà soát tài liệu, chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2022.

- Xem xét, đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty các quý năm 2022.

- Hỗ trợ Công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2022 của Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

- Tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT Công ty.

- Tham gia ý kiền, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty năm 2022.

- Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

+ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đền công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm soát được cung cấp thông tin tái liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và tình hình tài chính của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Giá trị các khoản thù lao và chi phí chi tiết cho từng người cụ thể như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức danh	Chủ tịch	Thành viên
Thù lao	50.000.000 đồng/tháng	35.000.000 đồng/tháng

BAN KIỂM SOÁT

Chức danh	Trưởng ban	Thành viên
Thù lao	35.000.000 đồng/tháng	15.000.000 đồng/tháng

BAN GIÁM ĐỐC

Chức danh	Tổng Giám Đốc điều hành	Phó Tổng Giám đốc
Lương cố định đồng/tháng	75.000.000 đồng/tháng	56.250.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ứng Hồng Vận	TGĐ Công ty	30.000	0,06%	31.400	0,063%	Tăng do mua
2	Ứng Quyết Tiến	Con TGĐ Công ty	10.931	0,02%	31	0,00006%	Giảm do bán
3	Đinh Tuấn Anh	Kế toán trưởng Công ty	333.000	0.67%	363.000	0.73%	Tăng do mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho Công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực vá hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

M.S.D.N: 5300215... CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2 TP. LÀO CAI - T. LÀO CAI

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ứng Hồng Vận

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất ía lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất lá lần thứ 10 vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 02 năm 2021. Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Há Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Công ty có trụ sở chính tại số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Lăo Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Láo Cai và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhá Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Làng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và váo ngáy lập báo cáo náy như sau:

Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Katsuhito Miyajima	Thánh viên
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên

BAN KIỂM SOẢT

Các thành viên Ban kiểm soát ("BKS") trong năm và vào ngáy lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên

BAN TỔNG GIẢM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày íập báo cáo này như sau:

Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và ngáy íập báo cáo này ía Ông Ứng Hồng Vận, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOẢN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toàn cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong bào cáo tái chính; và
- lập báo cáo tài chính trện cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tái chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty vá do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hánh vi gian lận vá những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kêm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bào cáo tái chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty váo ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình báy báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 5300215527 CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2 TP LÀO CAI - T. LÀO CAI

Ứng Hồng Vận
Tổng Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Building a better working world

Số tham chiếu: 12830117/22965403

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") được lập ngày 6 tháng 2 năm 2023 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập vá trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ má Ban Tổng Giám đốc xác định lá cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày bào cáo tái chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trảch nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cào tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toàn bao gồm thực hiện càc thủ tục nhắm thu thập các bằng chứng kiếm toán về các số liệu và thuyết minh trên bảo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toàn được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toàn viên, bao gồm đánh già rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tái chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro náy, kiểm toăn viên đã xem xèt kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toàn phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh già tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình báy tổng thể báo cào tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiếm toán má chúng tôi đã thu thập được lá đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toàn của chúng tôi.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tái chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam vá các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Thái Thanh Phó Tổng Giám đốc Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2023-004-1	Lê Minh Tùng Kiểm toán viên Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**156.194.603.855**	**143.645.866.548**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***93.925.853.669***	***81.132.093.378***
111	1. Tiền		8.599.163.181	26.024.833.105
112	2. Các khoản tương đương tiền		85.326.690.488	55.107.260.273
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***35.969.879.714***	***34.850.282.640***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	20.080.543.526	23.639.671.513
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	4.918.265.853	993.104.378
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	11.617.086.059	10.863.522.473
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(646.015.724)	(646.015.724)
140	***III. Hàng tồn kho***	***7***	***24.739.529.729***	***25.026.932.841***
141	1. Hàng tồn kho		29.280.601.653	29.568.004.765
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.541.071.924)	(4.541.071.924)
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***1.559.340.743***	***2.636.557.689***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		878.779.357	1.309.750.764
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	680.561.386	1.326.806.925
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.533.585.206.216**	**1.626.527.544.575**
220	***I. Tài sản cố định***		***1.497.782.177.059***	***1.589.246.935.079***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.497.782.177.059	1.589.246.935.079
222	Nguyên giá		2.134.557.964.445	2.134.395.564.445
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(636.775.787.386)	(545.148.629.366)
260	***II. Tài sản dài hạn khác***		***35.803.029.157***	***37.280.609.496***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	35.803.029.157	37.280.609.496
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.689.779.810.071**	**1.770.173.411.123**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**916.238.938.294**	**1.010.126.881.160**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***180.086.965.921***	***128.974.908.787***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	3.324.034.850	3.257.418.802
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	3.412.373.966	6.546.573.922
314	3. Phải trả người lao động		5.875.673.954	5.294.321.952
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		867.852.234	906.837.104
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	56.471.264.934	7.911.842.767
320	6. Vay ngắn hạn	13	110.000.000.000	104.588.946.257
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		135.765.983	468.967.983
330	***II. Nợ dài hạn***		***736.151.972.373***	***881.151.972.373***
338	1. Vay dài hạn	13	736.151.972.373	881.151.972.373
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**773.540.871.777**	**760.046.529.963**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***14***	***773.540.871.777***	***760.046.529.963***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		499.939.607.633	499.939.607.633
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*499.939.607.633*	*499.939.607.633*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.388.399.680	14.388.399.680
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		259.212.864.464	245.718.522.650
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*87.676.642.507*	*94.463.008.655*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*		*171.536.221.957*	*151.255.513.995*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.689.779.840.671**	**1.770.173.411.123**

Nguyễn Thị Hiếu	Đinh Tuấn Anh	Ứng Hồng Vận
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**15.1**	**462.139.887.532**	**400.115.525.353**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**15.1**	**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**15.1**	**462.139.887.532**	**400.115.525.353**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**16**	**(131.943.047.038)**	**(136.121.954.113)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**330.196.840.494**	**263.993.571.240**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**15.2**	**1.942.719.078**	**974.790.090**
22	**7. Chi phí tài chính**	**17**	**(77.639.392.637)**	**(89.778.379.885)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(77.558.340.556)*	*(89.682.088.857)*
25	**8. Chi phí bán hàng**		**-**	**-**
26	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**18**	**(19.921.217.310)**	**(16.480.705.266)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**234.578.949.625**	**158.709.276.179**
31	**11. Thu nhập khác**		**10.900.000**	**66.327.517**
32	**12. Chi phí khác**		**(28.232.983)**	**(718.802.613)**
40	**13. Lỗ khác**		**(17.332.983)**	**(652.475.096)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**234.561.616.642**	**158.056.801.083**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**20.1**	**(9.971.434.685)**	**(6.801.287.088)**
60	**16. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**224.590.181.957**	**151.255.513.995**
70	**17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**22**	**4.431**	**2.864**
71	**18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**22**	**4.431**	**2.864**

Nguyễn Thị Hiếu	Đinh Tuấn Anh	Ứng Hồng Vận
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**234.561.616.642**	**158.056.801.083**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	91.627.158.020	91.196.988.336
03	Các khoản dự phòng		-	4.541.071.924
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(1.942.719.078)	(974.790.090)
06	Chi phí lãi vay	17	77.558.340.556	89.682.088.857
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**401.804.396.140**	**342.502.160.110**
09	Tăng các khoản phải thu		(625.137.766)	(9.612.005.043)
10	Giảm hàng tồn kho		287.403.112	698.519.967
11	Giảm các khoản phải trả		(10.356.817.889)	(2.578.954.519)
12	Giảm chi phí trả trước		1.908.551.746	5.909.909.469
14	Tiền lãi vay đã trả		(77.597.325.426)	(90.074.390.845)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.819.648.597)	(6.582.301.068)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.337.765.000)	(600.500.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**300.263.656.320**	**239.662.438.071**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(162.400.000)	(1.835.109.885)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		1.942.719.078	974.790.090
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**1.780.319.078**	**(860.319.795)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	45.347.222.476
34	Tiền trả nợ gốc vay		(139.588.946.257)	(176.237.780.747)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(149.661.268.850)	(99.564.011.705)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(289.250.215.107)**	**(230.454.569.976)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**12.793.760.291**	**8.347.548.300**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**81.132.093.378**	**72.784.545.078**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**93.925.853.669**	**81.132.093.378**

Nguyễn Thị Hiếu	Đinh Tuấn Anh	Ứng Hồng Vận
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") lá một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 10 vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 02 năm 2021. Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 64B, đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai và văn phòng đại diện tại tầng 9, tòa nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 83 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 84).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toàn áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toăn Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toàn Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toàn Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các bảo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam vă hơn nữa không được chủ định trình báy tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kể toàn được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 nám
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm iãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí náy.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toàn doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") để hạch toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ* (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch ("tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình"). Tỷ giá xấp xỉ này có chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản háng ngày của ngân hàng thương mại.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá chuyển khoản này là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phóng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.12 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức má tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiến dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toàn năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp náy, thuế thu nhập hiện hánh cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sớ hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sớ tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong bảo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; vá
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liến với các khoản đầu tư vào công ty iiên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tái sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giả trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư váo công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoán nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn iại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đáy được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai đế có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tái sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của sổ cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận lá một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện với doanh thu trong năm chiếm trên 99% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toán bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh theo sản phẩm hay khu vực địa lý vá Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Các bên liên quan*

Các bên được coi lá bên iiên quan của Công ty nếu một bên có khả náng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể lá các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	887.834.379	936.954.607
Tiền gửi ngân hàng	7.711.328.802	25.087.878.498
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn (*)	85.326.690.488	55.107.260.273
TỔNG CỘNG	**93.925.853.669**	**81.132.093.378**

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngáy 31 thàng 12 năm 2022 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 thàng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 6,0%/năm (ngáy 31 tháng 12 năm 2021: từ 2,9%/năm đến 3,5%/năm).

5. PHẢI THU KHÁCH HÁNG VÁ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty Mua bàn điện – Tập đoàn Điện iực Việt Nam	20.080.543.526	23.639.671.513
TỔNG CỘNG	**20.080.543.526**	**23.639.671.513**

5.2 *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam	3.940.889.400	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	250.084.000	250.084.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Hưng	212.158.655	212.158.655
Công ty TNHH Bản đồ và Xây dựng Hà Nam	-	190.300.000
Các đối tượng khác	515.133.798	340.561.723
TỔNG CỘNG	**4.918.265.853**	**993.104.378**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
Ngắn hạn				
Phải thu Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	6.182.868.555	-	7.081.372.679	-
Tạm ứng cho nhân viên	4.775.811.000	-	333.711.000	-
Phải thu khác	658.406.504	(646.015.724)	648.406.647	(646.015.724)
Phải thu khác từ các bên liên quan *(Thuyết minh số 21)*	-	-	2.800.032.147	-
TỔNG CỘNG	**11.617.086.059**	**(646.015.724)**	**10.863.522.473**	**(646.015.724)**

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Nguyên liệu, vật liệu	1.209.133.363	(793.421.954)	1.218.274.876	(793.421.954)
Công cụ, dụng cụ	28.071.468.290	(3.747.649.970)	28.349.729.889	(3.747.649.970)
TỔNG CỘNG	**29.280.601.653**	**(4.541.071.924)**	**29.568.004.765**	**(4.541.071.924)**

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	4.541.071.924	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	4.541.071.924
Trừ: Số đã sử dụng và hoàn nhập trong năm	-	-
Số cuối năm	4.541.071.924	4.541.071.924

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.440.211.911.241	645.605.326.558	48.475.775.688	102.550.958	2.134.395.564.445
Mua trong năm	-	55.000.000	-	107.400.000	162.400.000
Số cuối năm	1.440.211.911.241	645.660.326.558	48.475.775.688	209.950.958	2.134.557.964.445
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	*3.448.420.467*	*624.111.933*	*1.018.955.818*	*102.550.959*	*5.194.039.177*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	323.485.164.166	213.257.202.295	8.303.711.947	102.550.958	545.148.629.366
Khấu hao trong năm	54.127.418.981	35.341.054.976	2.113.934.063	44.750.000	91.627.158.020
Phân loại lại	50.433.369	(122.303.998)	71.870.629	-	-
Số cuối năm	377.663.016.516	248.475.953.273	10.489.516.639	147.300.958	636.775.787.386
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	1.116.726.747.075	432.348.124.263	40.172.063.741	-	1.589.246.935.079
Số cuối năm	1.062.548.894.725	397.184.373.285	37.986.259.049	62.650.000	1.497.782.177.059

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*)	19.501.441.268	19.501.441.268
Chi phí thuê văn phòng (**)	9.694.129.470	10.013.716.156
Chi phí cải tạo lòng sông	2.090.761.337	4.181.522.674
Chi phí đại tu máy móc thiết bị	3.893.930.716	2.288.761.198
Các khoản trả trước khác	622.766.366	1.295.168.200
TỔNG CỘNG	**35.803.029.157**	**37.280.609.496**

(*) Đây là khoản tiền Công ty đã chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát (các xã Bản Vược, Bản Xèo và Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 18.060.670.918 VND. Trong năm 2020, Công ty đã phát sinh thêm chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng Dự án thủy điện Ngòi Phát mở rộng (xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai) với số tiền 1.440.770.350 VND. Trong năm 2022, Công ty nhận được quyết định số 010861692/QĐ-CT ký ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Cục thuế tỉnh Lào Cai về việc miễn tiền thuê đất đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2058. Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xử lý cho khoản chi phí kể trên.

(**) Chi phí thuê văn phòng phản ánh các khoản trả trước tiền thuê 211,77 m^2 của tầng 9, toá nhá Vinaconex, số 34, đường Làng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và vá Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 1 tháng 5 năm 2016.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747
Các đối tượng khác	1.254.741.103	1.254.741.103	1.188.125.055	1.188.125.055
TỔNG CỘNG	**3.324.034.850**	**3.324.034.850**	**3.257.418.802**	**3.257.418.802**

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	*Số phải nộp trong năm*	*Số đã nộp trong năm*	*Số cuối năm*
Thuế tài nguyên	2.409.497.195	45.428.109.959	(45.863.923.275)	1.973.683.879
Thuế giá trị gia tăng	4.137.076.727	33.568.012.097	(36.308.639.222)	1.396.449.602
Thuế thu nhập cá nhân	(494.459.451)	2.893.082.875	(2.356.382.939)	42.240.485
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(832.347.474)	9.971.434.685	(9.819.648.597)	(680.561.386)
Thuế khác	-	4.639.111.584	(4.639.111.584)	-
TỔNG CỘNG	**5.219.766.997**	**96.499.751.200**	**(98.987.705.617)**	**2.731.812.580**
Trong đó:				
Phải thu	*(1.326.806.925)*			*(680.561.386)*
Phải trả	*6.546.573.922*			*3.412.373.966*

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ tức phải trả	52.355.049.078	2.040.477.928
Phải trả quỹ phát triển rừng	3.117.851.676	4.671.875.484
Kinh phí công đoàn	120.356.384	158.232.856
Phải trả khác	878.007.796	1.041.256.499
TỔNG CỘNG	**56.471.264.934**	**7.911.842.767**
Trong đó:		
Phải trả đối tượng khác	*13.426.803.934*	*7.904.302.122*
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 21)	*43.044.461.000*	*7.540.645*

13. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		*Số phát sinh trong năm*		*Số cuối năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	5.588.946.257	5.588.946.257	14.196.473.159	(19.785.419.416)	-	-
Vay bên liên quan	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 13.1)*	99.000.000.000	99.000.000.000	145.000.000.000	(134.000.000.000)	110.000.000.000	110.000.000.000
	104.588.946.257	**104.588.946.257**	**164.196.473.159**	**(158.785.419.416)**	**110.000.000.000**	**110.000.000.000**
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 13.1)*	881.151.972.373	881.151.972.373	-	(145.000.000.000)	736.151.972.373	736.151.972.373
	881.151.972.373	**881.151.972.373**	**-**	**(145.000.000.000)**	**736.151.972.373**	**736.151.972.373**
TỔNG CỘNG	**985.740.918.630**	**985.740.918.630**	**164.196.473.159**	**(303.785.419.416)**	**846.151.972.373**	**846.151.972.373**

13. VAY (tiếp theo)

13.1 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Lãi suất (%/năm)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	750.751.972.373	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 4%. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,33%/năm - 10,2%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 28 tháng 11 năm 2008. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý. Lần trả nợ gốc đầu tiên được ấn định là ngày 25 tháng 2 năm 2015. Lãi vay được trả hàng quý.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*100.000.000.000*			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	95.400.000.000	Lãi suất cơ sở cộng với biên độ. Biên độ là 2,7% cho năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,3%/năm - 10,2%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ Dự án. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản vá mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả	*10.000.000.000*			
TỔNG CỘNG	**846.151.972.373**			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	*110.000.000.000*			
- Vay dài hạn	*736.151.972.373*			

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Năm trước				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	200.427.380.268	714.755.387.581
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	151.255.513.995	151.255.513.995
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
- Cổ tức công bố	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	-	-	(2.976.451.613)	(2.976.451.613)
Số cuối năm	499.939.607.633	14.388.399.680	245.718.522.650	760.046.529.963
Năm nay				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	245.718.522.650	760.046.529.963
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	224.590.181.957	224.590.181.957
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.700.000.000)	(1.700.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
- Cổ tức công bố 2021 (*)	-	-	(149.981.880.000)	(149.981.880.000)
- Tạm ứng cổ tức 2022 (**)	-	-	(49.993.960.000)	(49.993.960.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc 2021 (*)	-	-	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc 2022 (*)	-	-	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
- Giảm khác	-	-	(143)	(143)
Số cuối năm	499.939.607.633	14.388.399.680	259.212.864.464	773.540.871.777

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc chia cổ tức, trích các quỹ và chi trả tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 và phương án chi trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc công ty từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

(**) Căn cứ theo chủ trương kế hoạch chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 và phê duyệt của Hội đồng quản trị tại Nghị quyết số 56/2022/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2022, Công ty thực hiện tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022.

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 *Vốn cổ phần đã phát hành*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Tổng số	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*	*Tổng số*	*Cổ phiếu thường*	*Cổ phiếu ưu đãi*
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	25.546.575.000	25.546.575.000	-	25.546.575.000	25.546.575.000	-
Công ty Toyota Tsusho Corporation	17.497.886.000	17.497.886.000	-	17.497.886.000	17.497.886.000	-
Các cổ đông khác	6.949.499.000	6.949.499.000	-	6.949.499.000	6.949.499.000	-
TỔNG CỘNG	**49.993.960.000**	**49.993.960.000**	**-**	**49.993.960.000**	**49.993.960.000**	**-**

14.3 *Cổ tức*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	**149.113.543.650**	**99.485.453.850**
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức cho năm 2021: VND 3.000/cổ phiếu	149.113.543.650	-
Cổ tức cho năm 2020: VND 2.000/cổ phiếu	-	99.485.453.850
Cổ tức đã công bố và chưa trả trong năm	**50.862.296.350**	**-**
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Tạm ứng cổ tức cho năm 2022: VND 1.000/cổ phiếu	49.993.960.000	-
Cổ tức cho năm 2021: VND 3.000/cổ phiếu	868.336.350	-

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.4 *Cổ phiếu*

	Số lượng	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu đã được duyệt	**50.000.000**	**50.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**49.993.960**	**49.993.960**
Cổ phiếu phổ thông	*49.993.960*	*49.993.960*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**49.993.960**	**49.993.960**
Cổ phiếu phổ thông	*49.993.960*	*49.993.960*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: VND 10.000).

15. DOANH THU

15.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng doanh thu	**462.139.887.532**	**400.115.525.353**
Trong đó		
Doanh thu bán điện	*461.101.386.766*	*399.863.707.172*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*1.038.500.766*	*251.818.181*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**462.139.887.532**	**400.115.525.353**
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	*461.846.407.532*	*399.863.707.172*
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 21)	*293.480.000*	*251.818.181*

15.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi	1.942.719.078	974.790.090
TỔNG CỘNG	**1.942.719.078**	**974.790.090**

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	131.943.047.038	136.121.954.113
TỔNG CỘNG	**131.943.047.038**	**136.121.954.113**

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lãi vay	77.558.340.556	89.682.088.857
Chi phí tài chính khác	81.052.081	96.291.028
TỔNG CỘNG	**77.639.392.637**	**89.778.379.885**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí lương và phụ cấp lương	12.739.542.049	11.060.779.408
Chi phí khấu hao	727.743.084	950.791.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.222.153.508	624.031.416
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.231.778.669	3.845.102.985
TỔNG CỘNG	**19.921.217.310**	**16.480.705.266**

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.933.344.160	3.014.866.713
Chi phí lương và phụ cấp lương	28.661.764.462	26.073.165.172
Chi phí khấu hao	91.627.158.020	91.196.988.336
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.971.421.554	21.438.788.979
Chi phí khác	4.670.578.152	10.878.850.179
TỔNG CỘNG	**151.864.264.348**	**152.602.659.379**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất hiện hành là 20%.

Đối với dự án ban đầu

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện tại là 5%.

Đối với dự án đầu tư mở rộng:

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2020 đến năm 2034). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2020 đến năm 2023) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2024 đến năm 2032). Theo đó, thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế TNDN cho năm hiện tại.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 *Chi phí thuế TNDN*

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.971.434.685	6.801.287.088
TỔNG CỘNG	**9.971.434.685**	**6.801.287.088**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	234.561.616.642	158.056.801.083
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	23.456.161.664	15.805.680.108
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Ưu đãi giảm 50% thuế suất cho dự án ban đầu	(9.968.868.708)	(6.741.436.801)
Thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế	(3.518.424.250)	(2.322.806.506)
Chi phí không được khấu trừ	1.280.934	2.700.992
Các khoản phạt	1.285.045	57.149.295
Chi phí thuế TNDN	**9.971.434.685**	**6.801.287.088**

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị ("HĐQT")
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tuấn Anh	Kế toán trưởng

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty Vinaconex")	Công ty mẹ	Phí thương hiệu	150.000.000	150.000.000
		Cổ tức đã trả	76.639.725.000	50.836.393.200
		Thanh toán thù lao cho hội đồng quản trị	3.190.000.000	-
		Chi phí thuê văn phòng, điện nước	453.872.099	274.421.495
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Thanh toán thù lao cho hội đồng quản trị	1.595.000.000	-
		Cổ tức đã trả	17.497.886.000	52.493.658.000
Công ty Cổ phần Bách Thiên Lộc	Công ty cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	293.480.000	226.363.636
		Vay	5.000.000.000	-
		Trả nợ gốc vay	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOO Nước sạch Sa Pa	Công ty cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	25.454.545

Các nghiệp vụ mua/bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa giữa Công ty và Tổng Công ty Vinaconex vào ngày 5 tháng 8 năm 2015, Công ty có quyền sử dụng các nhãn hiệu do Tổng Công ty Vinaconex sở hữu trong hoạt động kinh doanh của mình với hiệu lực từ ngày của hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Theo đó, trong năm 2022, Công ty có nghĩa vụ trả phí thương hiệu bằng 150.000.000 VND/năm cho việc sử dụng các nhãn hiệu này.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 thăng 12 năm 2022 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 thàng 12 năm 2022, Công ty trích lập một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi với số tiền 646.015.724 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 646.015.724 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toàn, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
***Phải thu ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 6)*				
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Trả thù lao cho hội đồng quản trị vá ban kiểm soát	-	2.040.000.000
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Trả thù lao cho hội đồng quản trị và ban kiểm soát	-	760.032.147
TỔNG CỘNG			**-**	**2.800.032.147**
***Phải trả ngắn hạn khác** (Thuyết minh số 12)*				
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	25.546.575.000	-
		Phải trả khác	-	7.540.645
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Phải trả cổ tức	17.497.886.000	-
TỔNG CỘNG			**43.044.461.000**	**7.540.645**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

Tên	*Chức vụ*	*Thu nhập*	
		Năm nay	*Năm trước*
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng giám đốc	1.327.057.456	1.324.500.000
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	1.035.807.123	1.033.250.000
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng giám đốc	943.750.000	649.927.602
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	914.264.706	701.860.256
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT	656.470.588	425.127.237
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT	656.470.588	425.127.237
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	599.852.941	321.774.194
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	599.852.941	321.774.194
Ông Nguyễn Xuân Đông	Chủ tịch HĐQT	80.882.353	345.975.481
Ông Nguyễn Hữu Tới	Thành viên HĐQT	56.617.647	242.182.837
Ông Nguyễn Hải Đăng	Phó Tổng giám đốc	-	209.454.217
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	-	138.829.791
TỔNG CỘNG		**6.871.026.343**	**6.139.783.046**

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	1.220.588.236	1.047.593.958

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	224.590.181.957	151.255.513.995
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(5.000.000.000)
Điều chỉnh giảm do trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (*)	(3.060.000.000)	(3.060.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**221.530.181.957**	**143.195.513.995**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.993.960	49.993.960
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**49.993.960**	**49.993.960**
Lãi trên cổ phiếu		
- *Lãi cơ bản*	*4.431*	*2.864*
- *Lãi suy giảm*	*4.431*	*2.864*

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số điều chỉnh giảm tương ứng với các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc được trích lập từ lợi nhuận của năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 53/2022/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 6 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh giảm khoản trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 căn cứ theo báo cáo về việc chi trả tiền thù lao cho thành viên HĐQT-BKS công ty năm 2021 và phương án chi trả năm 2022 số 159/2022/BC-HĐQT được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022.

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Nguyễn Thị Hiếu	Đinh Tuấn Anh	Ứng Hồng Vận
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám Đốc

Láo Cai, Việt Nam

Ngày 6 tháng 2 năm 2023